

## CK - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến quý này (năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
<b>1. Doanh thu</b>	1		<b>28,703,414,398</b>	<b>31,582,509,756</b>	<b>28,703,414,398</b>	<b>31,582,509,756</b>
- Doanh thu hoạt động môi giới Chứng khoán	1.1		5,195,683,887		5,195,683,887	
- Doanh thu hoạt động đầu tư Chứng khoán góp vốn	1.2		678,752,403		678,752,403	
- Doanh thu bảo lãnh phát hành Chứng khoán	1.3					
- Doanh thu đại lý phát hành Chứng khoán	1.4					
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5		22,727,273		22,727,273	
- Doanh thu lưu ký Chứng khoán	1.6					
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	1.7					
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	1.8					
- Doanh thu khác	1.9		22,806,250,835		22,806,250,835	
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	2		24,656,221	-	24,656,221	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	10		<b>28,678,758,177</b>	<b>31,582,509,756</b>	<b>28,678,758,177</b>	<b>31,582,509,756</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	11		<b>23,425,592,715</b>	<b>19,643,252,080</b>	<b>23,425,592,715</b>	<b>19,643,252,080</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>5,253,165,462</b>	<b>11,939,257,676</b>	<b>5,253,165,462</b>	<b>11,939,257,676</b>
<b>6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp</b>	25		<b>4,651,959,370</b>	<b>3,070,103,448</b>	<b>4,651,959,370</b>	<b>3,070,103,448</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>601,206,092</b>	<b>8,869,154,228</b>	<b>601,206,092</b>	<b>8,869,154,228</b>
8. Thu nhập khác	31		1,003,444,666		1,003,444,666	
9. Chi phí khác	32		880,000		880,000	
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>1,002,564,666</b>	<b>849,010,432</b>	<b>1,002,564,666</b>	<b>849,010,432</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (40+30)</b>	50		<b>1,603,770,758</b>	<b>9,718,164,660</b>	<b>1,603,770,758</b>	<b>9,718,164,660</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51					
<b>13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	52					
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50- 51 -52)</b>	60		<b>1,603,770,758</b>	<b>9,718,164,660</b>	<b>1,603,770,758</b>	<b>9,718,164,660</b>
<b>14.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>	61					
<b>14.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	62					
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70					

Nguyễn Đỗ Lăng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2011

Đào Xuân Đức

Kế toán trưởng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2011

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty: 390.000.000.000 VND (Ba trăm chín mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 14 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015146 ngày 21/12/2006 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 37/GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nư

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán h

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi

**Nguyên tắc ghi các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm

**Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đỉnh danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí trang thiết bị nội thất có giá trị lớn
- Chi phí in phiếu lệnh mua bán
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất k

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**4 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
<b>Tiền mặt</b>	356,081,081	84,585,179
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	65,272,614,455	45,799,953,398
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	386,485,160	2,553,048,230
<b>Tiền đang chuyển</b>	99,420,000,000	43,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>165,435,180,696</b>	<b>91,437,586,807</b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Tăng (giảm) so với giá trị trường	Tổng giá trị theo thị trường
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>8,827,262</b>	<b>142,623,491,082</b>	<b>(6,868,642,960)</b>	<b>135,754,848,122</b>
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	-	-	-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán			-	-
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn			-	-
			31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Chứng khoán thương mại		187,352,056,109		142,623,491,082
- Chứng khoán niêm yết		27,574,225,492		42,813,399,931
- Chứng khoán chưa niêm yết		159,777,830,617		99,810,091,151
Đầu tư ngắn hạn khác		46,849,000,000		46,849,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(6,868,642,960)		(6,868,642,960)
<b>Cộng</b>		<b>227,332,413,149</b>		<b>182,603,848,122</b>

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Bảo hiểm y tế, xã hội		
Phải thu khác	772,627,806,412	573,539,782,442
<b>Cộng</b>	<b>772,627,806,412</b>	<b>573,539,782,442</b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Tạm ứng	23,270,616,247	23,626,138,718
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4,444,923,300	4,444,923,300
<b>Cộng</b>	<b>27,715,539,547</b>	<b>28,071,062,018</b>

**8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2010	25,686,000	661,060,000	10,204,752,763	10,891,498,763
Tăng trong kỳ	129,940,000	-	215,937,636	345,877,636
Mua sắm mới	129,940,000	-	215,937,636	345,877,636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2011	155,626,000	661,060,000	10,420,690,399	11,237,376,399
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 31/12/2010	4,994,500	44,070,667	7,733,331,161	7,782,396,328
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	262,877,006
Tại ngày 31/03/2011	-	-	-	8,045,273,334
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2010	-	-	-	3,109,102,435
Tại ngày 31/3/2011	-	-	-	3,192,103,065

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Tài sản cố định vô hình khác	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Tại ngày 31/12/2010	165,950,288	3,959,068,100	4,125,018,388
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	165,950,288	3,959,068,100	4,125,018,388
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Tại ngày 31/12/2010	50,707,032	1,164,782,683	1,215,489,715
2. Số tăng trong kỳ	-	106,703,652	106,703,652
- Trích khấu hao	-	106,703,652	106,703,652
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	50,707,032	1,271,486,335	1,322,193,367
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày 31/12/2010	-	-	2,909,528,673
2. Tại ngày 31/3/2011	-	-	2,802,825,021

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN



	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	575,000,000	575,000,000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	8,266,000,000	8,266,000,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	8,266,000,000	3,066,000,000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		5,200,000,000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8,841,000,000</b>	<b>8,841,000,000</b>
<b>11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN</b>		
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền nộp ban đầu	494,938,176	494,938,176
Tiền nộp bổ sung	2,993,480,741	4,770,706,230
Tiền lãi	149,064,647	343,108,429
<b>Số cuối năm</b>	<b>3,637,483,564</b>	<b>5,608,752,835</b>
<b>12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>		
	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Vay ngắn hạn	460,628,393,100	322,898,893,100
- Vay ngân hàng	460,628,393,100	322,898,893,100
- Vay đối tượng khác		-
Nợ ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>460,628,393,100</b>	<b>322,898,893,100</b>
<b>13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>		
	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Thuế GTGT	3,771,915,386	3,698,080,353
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4,530,401,001	4,530,401,001
Thuế TNCN	3,252,707,556	2,434,946,120
Thuế khác		
<b>Cộng</b>	<b>11,555,023,943</b>	<b>10,663,427,474</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị

**14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	650,382,860	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	96,000,000	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	131,752,051,286	91,361,429,682
<b>Cộng</b>	<b>132,498,434,146</b>	<b>91,361,429,682</b>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Trả cho ngân hàng về ứng trước, cầm cố CK		
Bảo hiểm xã hội, y tế	68,967,173	165,410,249
Phải trả về đặt cọc đấu giá		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	228,238,191,180	80,073,992,607
<b>Cộng</b>	<b>228,307,158,353</b>	<b>80,239,402,856</b>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	390,000,000,000	-		390,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,868,000,000			2,868,000,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6,000,000,000	-		6,000,000,000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:</b>	<b>2,048,729,980</b>	<b>482,883,717</b>		<b>2,531,613,697</b>
<i>Lợi nhuận tăng trong kỳ</i>		482,883,717		482,883,717
<b>Tổng cộng</b>	<b>400,916,729,980</b>	<b>482,883,717</b>	-	<b>401,399,613,697</b>

b) Cổ phiếu

	Năm 2010 CP	31/03/2011 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,000,000	39,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,000,000	39,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,000,000	39,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,000,000	39,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	39,000,000	39,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	57,372,648,684	5,195,683,887
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17,164,517,950	678,752,403
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, đấu giá	30,000,000	
Doanh thu hoạt động tư vấn	2,340,117,998	22,727,273
Doanh thu khác	137,330,226,967	22,806,250,835
<b>Cộng</b>	<b>214,237,511,599</b>	<b>28,703,414,398</b>

**19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	24,011,805,441	3,099,287,189
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50,882,074,868	268,776,587
Chi phí hoạt động tư vấn	30,909,091	87,836,600
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	969,906,535	247,024,420
Chi phí dự phòng	(12,938,796,028)	-
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	-	-
Chi phí khác	70,340,140,854	16,476,595,559
Chi phí trực tiếp chung	13,497,811,716	3,246,072,360
<b>Cộng</b>	<b>146,793,852,477</b>	<b>23,425,592,715</b>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	31/12/2010 VND	31/03/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17,968,114,844	2,972,363,883
Chi phí vật liệu quản lý, CC lao động	1,302,276,411	357,325,287
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,357,780,134	262,877,006
Thuế, phí và lệ phí	78,580,000	410,300
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,713,186,040	328,877,471
Chi phí khác bằng tiền	2,297,074,996	730,105,423
<b>Cộng</b>	<b>26,717,012,425</b>	<b>4,651,959,370</b>

**21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN QUÝ 1 NĂM 2011**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**22 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

*Lập, ngày 13 tháng 4 năm 2011*

**Tổng Giám đốc**

**Lưu Lan Hương**

**Đào Xuân Đức**

**Nguyễn Đỗ Lăng**